

Phần 2: YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V: PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

1.1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc quy định tại Mẫu số 00, Chương IV - biểu mẫu dự thầu Phạm vi cung cấp thuốc.

Mẫu số 00

BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp
1	SC26.01	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat) 40mg	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	25	537.923.190	4	6 tháng
2	SC26.02	Diphenhydramin HCl	10mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	60		4	6 tháng
3	SC26.03	Dexamethason phosphat (dưới dạng dexamethason natri phosphat)	4mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	170		4	6 tháng
4	SC26.04	Acyclovir	250mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	60		4	6 tháng
5	SC26.05	Adrenalin	1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	120		4	6 tháng
6	SC26.06	Allopurinol	300mg	Uống	Viên	Viên	500		2	6 tháng
7	SC26.07	Atenolol	50mg	Uống	Viên	Viên	2.000		2	6 tháng

8	SC26.08	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat)	5mg	Uống	Viên nang	Viên	6.400		3	6 tháng
9	SC26.09	Irbesartan	75mg	Uống	Viên	Viên	1.000		2	6 tháng
10	SC26.10	Losartan kali 50 mg	50 mg	Uống	Viên	Viên	1.500		4	6 tháng
11	SC26.11	Enalapril maleat 5mg	5mg	Uống	Viên	Viên	1.200		4	6 tháng
12	SC26.12	Nifedipine	20mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	700		2	6 tháng
13	SC26.13	Menadion natri bisulfít	5mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	100		4	6 tháng
14	SC26.14	Hydrocortison (dưới dạng Hydrocortison natri succinat) 100mg	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	153		4	6 tháng
15	SC26.15	Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrat)	500mg	Uống	Viên nang	Viên	12.600		2	6 tháng
16	SC26.16	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat compacted) 500mg	500mg	Uống	Viên nang	Viên	8.000		3	6 tháng
17	SC26.17	Amoxicilin (dưới dạng amoxicilin trihydrat) 500mg, Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat & avicel) 125mg	500mg; 125mg	Uống	Viên	Viên	2.400		3	6 tháng
18	SC26.18	Metronidazol	250mg	Uống	Viên	Viên	6.500		4	6 tháng
19	SC26.19	Spiramycin 750.000IU; Metronidazol 125mg	750.000IU; 125mg	Uống	Viên	Viên	5.000		2	6 tháng
20	SC26.20	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochlorid)	500mg	Uống	Viên	Viên	6.600		3	6 tháng

21	SC26.21	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên	Viên	2.600		3	6 tháng
22	SC26.22	Spiramycin 3.000.000 IU	3.000.000 IU	Uống	Viên	Viên	3.500		4	6 tháng
23	SC26.23	Doxycyclin hyclat tương đương doxycyclin 100mg	100mg	Uống	Viên nang	Viên	1.000		4	6 tháng
24	SC26.24	Erythromycin (dưới dạng Erythromycin stearat)	500mg	Uống	Viên	Viên	2.400		4	6 tháng
25	SC26.25	Sulfamethoxazol 800mg; Trimethoprim 160mg	800mg, 160mg	Uống	Viên	Viên	1.000		4	6 tháng
26	SC26.26	Colchicin	1mg	Uống	Viên	Viên	600		2	6 tháng
27	SC26.27	Acid mefenamic	500mg	Uống	Viên	Viên	2.000		2	6 tháng
28	SC26.28	Prednisone 5mg	5mg	Uống	Viên	Viên	25.600		4	6 tháng
29	SC26.29	Piroxicam	20mg	Uống	Viên nang	Viên	9.200		4	6 tháng
30	SC26.30	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên	Viên	8.600		4	6 tháng
31	SC26.31	Diclofenac natri	75mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	15.500		4	6 tháng
32	SC26.32	Diclofenac natri	75mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	120		4	6 tháng
33	SC26.33	Tolperisone hydrochloride 50mg	50mg	Uống	Viên	Viên	6.600		1	6 tháng
34	SC26.34	Alphachymotrypsin	21 Microkatal	Uống	Viên	Viên	8.800		4	6 tháng
35	SC26.35	Methylprednisolon 16mg	16mg	Uống	Viên	Viên	5.900		4	6 tháng
36	SC26.36	Alverin citrat	40mg	Uống	Viên	Viên	3.000		4	6 tháng

37	SC26.37	Paracetamol 650 mg	650mg	Uống	Viên	Viên	21.000		2	6 tháng
38	SC26.38	Acetaminophen 500mg; Dextromethorphan hydrobromide 15mg; Guaifenesin 200mg; Phenylephrine hydrochloride 10mg	500mg; 15mg; 200mg; 10mg	Uống	Viên	Viên	12.000		4	6 tháng
39	SC26.39	Piracetam	400mg	Uống	Viên nang	Viên	5.180		4	6 tháng
40	SC26.40	Thiamin nitrat (Vitamin B1)	250mg	Uống	Viên	Viên	10.500		4	6 tháng
41	SC26.41	Ascorbic acid	500mg	Uống	Viên nang	Viên	15.600		4	6 tháng
42	SC26.42	Magnesium lactate dihydrate (Magnesi lactat dihydrat) 470mg; Pyridoxine hydrochloride (Pyridoxin hydroclorid) 5mg	470mg; 5mg	Uống	Viên	Viên	11.500		4	6 tháng
43	SC26.43	Vitamin B1 (Thiamin nitrat) 1,25mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 1,25mcg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 1,25mg	1,25mg; 1,25mcg; 1,25mg	Uống	Viên nang	Viên	2.000		KPN	6 tháng
44	SC26.44	Acid folic 0,4mg; Sắt (II) sulfat khan (trương đương 65mg sắt) 200mg	0,4mg; 200mg	Uống	Viên	Viên	1.500		4	6 tháng
45	SC26.45	Trimetazidin.2HCl	20mg	Uống	Viên	Viên	8.360		4	6 tháng

46	SC26.46	Natri camphosulfonat 2,5g/25ml; Lạc tiên 5g/25ml	2,5g/25ml; 5g/25ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai	140	4	6 tháng
47	SC26.47	Omeprazol (dưới dạng vi hạt tan trong ruột)	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	13.500	4	6 tháng
48	SC26.48	Aluminium hydroxide (gel khô) 300mg; Magnesium trisilicat khan 400mg	300mg; 400mg	Nhai	Viên	Viên	6.500	4	6 tháng
49	SC26.49	Nhôm phosphat gel (chứa 20% Nhôm phosphat)	12,38g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói	780	4	6 tháng
50	SC26.50	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90% 450mg; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10% 50mg	450mg; 50mg	Uống	Viên	Viên	360	1	6 tháng
51	SC26.51	Domperidon (dưới dạng domperidon maleat)	10mg	Uống	Viên	Viên	11.000	2	6 tháng
52	SC26.52	Bambuterol hydrochloride 20mg	20mg	Uống	Viên	Viên	3.000	4	6 tháng
53	SC26.53	Dextromethorphan hydrobromid	10mg	Uống	Viên nang	Viên	12.000	4	6 tháng
54	SC26.54	Mỗi 5ml chứa: Bromhexin hydrochlorid 8mg	8mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai	20	4	6 tháng
55	SC26.55	Acetylcystein 200 mg	200 mg	Uống	Viên nang	Viên	11.000	4	6 tháng
56	SC26.56	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfat) 100mcg/liều xịt	100mcg/liều xịt	Hô hấp	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình	35	1	6 tháng
57	SC26.57	Mỗi 2,5ml chứa: Ipratropium bromid (dưới dạng Ipratropium bromid	0,5mg; 2,5mg	Hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Ống	220	4	6 tháng

		monohidrat) 0,5mg; Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg							
58	SC26.58	Montelukast (dưới dạng montelukast natri)	4mg	Nhai	Viên	Viên	4.400	2	6 tháng
59	SC26.59	Cao khô Actisô EP (Extractum Cynarae siccus) 170mg, Cao khô Rau đắng đắt 8:1 (Extractum Herba Glini oppositifolii siccus) 128mg, Cao khô Bìm bìm (Extractum Semen Pharbitidis siccus) (Hàm lượng acid chlorogenic \geq 0,8%) 13,6mg	170mg, 128mg, 13,6mg	Uống	Viên nang	Viên	3.100	4	6 tháng
60	SC26.60	Furosemid 40mg	40mg	Uống	Viên	Viên	2.050	4	6 tháng
61	SC26.61	Cao khô Kim tiền thảo (Extractum herbae Desmodii styracifolii siccum) (tương đương với 2000mg Kim tiền thảo)	160 mg	Uống	Viên	viên	3.000	4	6 tháng
62	SC26.62	Berberin clorid 50 mg	50mg	Uống	Viên	Viên	8.500	4	6 tháng
63	SC26.63	Loperamid hydroclorid 2mg	2mg	Uống	Viên nang	Viên	5.000	4	6 tháng
64	SC26.64	Fexofenadin hydroclorid 60 mg	60 mg	Uống	Viên	Viên	1.000	4	6 tháng
65	SC26.65	Bacillus subtilis	10.000.000 - 100.000.000 CFU/g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	3.200	4	6 tháng
66	SC26.66	Sorbitol	5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	2.600	4	6 tháng

67	SC26.67	Metformin hydroclorid 850mg	850mg	Uống	Viên	Viên	4.000		3	6 tháng
68	SC26.68	Glimepiride 2mg	2mg	Uống	Viên	Viên	3.000		3	6 tháng
69	SC26.69	Glucose khan (dưới dạng glucose monohydrate) 2,7g; Kali Clorid 0,3g; Natri Clorid 0,52g; Trinatri citrat khan (dưới dạng Trinatri citrat .2H2O) 0,509g	2,7g; 0,3g; 0,52g; 0,509g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	11.000		4	6 tháng
70	SC26.70	Clorpheniramin maleat	4mg	Uống	Viên	Viên	31.500		4	6 tháng
71	SC26.71	Loratadin	10mg	Uống	Viên	Viên	6.500		4	6 tháng
72	SC26.72	Cinnarizin	25mg	Uống	Viên	Viên	1.100		4	6 tháng
73	SC26.73	Cetirizin hydroclorid	10mg	Uống	Viên	Viên	3.000		4	6 tháng
74	SC26.74	Calci (dưới dạng Calci lactat gluconat 2940mg; Calci carbonat 300mg)	500mg	Uống	Viên sủi	Viên	300		4	6 tháng
75	SC26.75	Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat)	1,5g/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	50		4	6 tháng
76	SC26.76	Mỗi 500ml chứa: Calci clorid. 2H2O 0,135g; Kali clorid 0,2g; Natri clorid 3g; Natri lactat 1,6g	0,135g; 0,2g; 3g; 1,6g	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	290		4	6 tháng
77	SC26.77	Sulpirid 50mg	50mg	Uống	Viên nang	Viên	3.500		4	6 tháng
78	SC26.78	Lidocain HCl	40mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	100		4	6 tháng
79	SC26.79	Povidon iod	10% (w/v)	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	120		4	6 tháng

80	SC26.80	Chai 5ml chứa: Dexamethason phosphat(dưới dạng dexamethason natri phosphat 5,5mg) 5mg; Neomycin(dưới dạng neomycin sulfat 17.500IU) 17,5mg	5mg, 17,5mg	Nhỏ mắt, mũi, tai	Thuốc nhỏ mắt, mũi, tai	Chai	150	4	6 tháng
81	SC26.81	Mỗi 20ml chứa: Aspirin 2g; Natri Salicylat 1,76g	2,0g; 1,76g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	60	4	6 tháng
82	SC26.82	Methyl salicylate 6,29 %; dl-Camphor 1,24 %; l- Menthol 5,71 %; Tocopherol acetate 2 %	6,29 %, 1,24 %, 5,71 %, 2 %	Dùng ngoài	Miếng dán	Miếng	800	4	6 tháng
83	SC26.83	Natri clorid	90mg/10ml	Nhỏ mắt, mũi	Thuốc nhỏ mắt, mũi	Lọ	150	4	6 tháng
84	SC26.84	Natri clorid	0,9g/100ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	80	4	6 tháng
85	SC26.85	Natri clorid	0,9g/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	220	4	6 tháng
86	SC26.86	Mỗi 100 ml chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 5g	5g	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	60	4	6 tháng
87	SC26.87	Mỗi lọ 15ml chứa: Gừng tươi (Rhizoma Zingiberis recens) 3g	3g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Lọ	30	4	6 tháng
88	SC26.88	Mỗi gói 5g chứa: Cao khô dược liệu (Extractum Zingiberis siccus) 480mg trương đương với Gừng 5g	480mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	500	4	6 tháng
89	SC26.89	Tuýp 10g chứa: Clotrimazol 100mg; Dexamethason	100mg; 5mg; 10mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	120	4	6 tháng

		acetat 5mg; Gentamicin sulfat 10mg							
90	SC26.90	Paracetamol 500mg, Codein phosphat hemihydrat 15mg	500mg, 15mg	Uống	Viên sủi	Viên	700	4	6 tháng
91	SC26.91	Acyclovir	200mg	Uống	Viên	Viên	2.000	2	6 tháng
92	SC26.92	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 200mg	200mg	Uống	Viên	Viên	4.600	4	6 tháng
93	SC26.93	Nattokinase	670 FU	Uống	Viên nang	Hộp	15	KPN	6 tháng
94	SC26.94	Telmisartan 40mg	40mg	Uống	Viên	Viên	750	1	6 tháng
95	SC26.95	Nitroglycerin (dưới dạng nitroglycerin 2% in lactose)	0,3mg	Ngậm dưới lưỡi	Viên đặt dưới lưỡi	Viên	660	4	6 tháng
96	SC26.96	Captopril 25 mg	25 mg	Uống	Viên	Viên	2.000	4	6 tháng
97	SC26.97	Cetirizin hydroclorid 10 mg	10mg	Uống	Viên nang	Viên	3.000	4	6 tháng
98	SC26.98	Eucalyptol 70% (tinh dầu bạch đàn); Cao lá thường xuân; tinh dầu long não (tương đương với 2500mg long não); tinh dầu gừng (tương đương với 500mg gừng); tinh dầu húng chanh (tương đương với 1000mg húng chanh); tinh dầu bạc hà (tương đương với 250mg Bạc hà)	120mg; 20mg; 5mg; 1mg; 0,5mg; 0,5mg	Uống	Viên nang	Viên	16.000	KPN	6 tháng
99	SC26.99	Cao khô Carduus marianus (tương đương 140mg Silymarin) 250 mg	250 mg	Uống	Viên nang	Viên	5.000	4	6 tháng

100	SC26.100	Tenofovir disoproxil fumarat 300mg	300mg	Uống	Viên	Viên	500		2	6 tháng
101	SC26.101	Dây truyền dịch	20 giọt/ml	Dùng ngoài	Plastic/Polymer	Bộ	470		KPN	6 tháng
102	SC26.102	Mỗi 3ml chứa: Insulin lispro (trong đó 25 % là dung dịch insulin lispro và 75% là hỗn dịch insulin lispro protamine) 300U (tương đương 10,5mg)	300U/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút	5		1	6 tháng
103	SC26.103	Insulin glargine	100 đơn vị/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút	5		1	6 tháng

– Đối với các thuốc thuộc danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên đây chuyên sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp được Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành thì nhà thầu chỉ chào thầu thuốc sản xuất trong nước.

❖ Lưu ý: Đối với hàng hóa có Mã thuốc SC26.43, SC26.93, SC26.98, SC26.101 nhà thầu không đánh giá điểm kỹ thuật theo quy định tại Phần 4 Phụ lục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, chỉ đáp ứng các yêu cầu khác của E-HSMT. Nhà thầu khi tham gia gói thầu cần cung cấp, điền đầy đủ các thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu theo Mẫu số 05. Bảng giá dự thầu và giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm tương ứng với hàng hóa dự thầu.

1.2. Tiến độ giao hàng:

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp thuốc theo tiến độ sau:
 - + Đối với thuốc thông thường: Nhà thầu giao hàng trong vòng 1– 3 ngày kể từ khi nhận dự trù của Chủ đầu tư.
 - + Đối với thuốc phóng xạ, sinh phẩm y tế đặc biệt: Nhà thầu giao hàng trong vòng 10 – 15 ngày kể từ khi nhận dự trù của Chủ đầu tư.

+ Trong trường hợp đặc biệt, bên mua có quyền yêu cầu dự trữ hàng đột xuất, nhà thầu phải đáp ứng kịp thời không quá 12 giờ kể từ khi nhận dự trữ của Chủ đầu tư.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu thông số kỹ thuật trên là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Các nội dung trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật của hàng hóa, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, phù hợp với điều kiện cung cấp của nhà thầu nhưng phải đảm bảo phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật nêu trên "tương đương" hoặc "ưu việt" hơn hẳn so với yêu cầu tối thiểu. Để chứng minh sự tương đương nhà thầu phải có bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính sử dụng cùng các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

2.1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm thuốc điều trị cho Trại giam Sông Cái 6 tháng đầu năm 2026.
- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc điều trị cho Trại giam Sông Cái 6 tháng đầu năm 2026.
- Chủ đầu tư: Trại giam Sông Cái.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 6 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Địa điểm thực hiện: Trại giam Sông Cái - Xã Bác Ái Tây, Tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Yêu cầu về mặt kỹ thuật chung là các yêu cầu về thuốc (bao gồm: Tên hoạt chất, Nồng độ, Hàm lượng, Đường dùng, Dạng bào chế, Đơn vị tính và Nhóm thuốc được nêu tại Mẫu số 00 - Biểu mẫu dự thầu Chương IV.
- Quy định về nhóm thuốc: Việc phân chia nhóm thuốc Generic được thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu và Điều 4 Thông tư 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025.
- Việc quy định dự thầu vào các nhóm thuốc thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 và các quy định khác tại Thông tư 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025.
- Thuốc phải có giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc Giấy phép nhập khẩu đối với thuốc chưa có số đăng ký do Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế cấp còn hiệu lực (bản scan). Trường hợp giấy phép lưu hành sản phẩm hết hiệu lực thì nhà thầu cung cấp giấy phép lưu hành hết hiệu lực (bản scan) kèm theo quyết định gia hạn giấy phép lưu hành còn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu (Giấy phép lưu hành bản gốc không bắt buộc nhà thầu đáp ứng 100%, nhà thầu đáp ứng tối thiểu 70% so với bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc là đạt yêu cầu của E-HSMT).
- Thuốc phải đảm bảo theo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế.
- Thuốc khi cung cấp phải còn nguyên bao bì đóng gói.
- Thông tin về mặt hàng thuốc tham dự thầu, số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu đối với thuốc chưa có số đăng ký do Cục Quản lý dược cấp và các thông tin khác có liên quan phải được Nhà thầu ghi đầy đủ các thông tin theo quy định

tại Mẫu 05 – Bảng giá dự thầu trong E-HSMT. Các thông tin phải phù hợp với thông tin về thuốc đã được Cục Quản lý dược công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý dược (<http://www.dav.gov.vn>).

2.3. Các yêu cầu khác

2.3.1. Yêu cầu về tiến độ cung cấp, quy trình cung cấp hàng hóa, điều kiện bảo quản:

– Nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản thuốc được giao đầy đủ số lượng trong hợp đồng, được chia thành nhiều đợt tùy theo nhu cầu của Chủ đầu tư, thông tin và tiêu chuẩn thuốc cung cấp phải đúng theo thông tin đã cung cấp trong hồ sơ dự thầu.

– Nhà thầu phải có thuyết minh phù hợp, thống nhất về quy trình tổ chức cung cấp thuốc tuân thủ nguyên tắc thực hành tốt từ khâu đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp, nhập hàng, cấp phát, vận chuyển và giao hàng đảm bảo chất lượng thuốc khi bàn giao cho đơn vị sử dụng.

– Nhà thầu cam kết phương tiện vận chuyển hàng hóa đáp ứng yêu cầu về nhiệt độ và độ ẩm bảo quản trên nhãn của hàng hóa trong suốt quá trình giao hàng (kèm theo tài liệu chứng minh về phương tiện vận chuyển hàng hóa).

– Đối với hàng hóa sinh phẩm bảo quản nhiệt độ đặc biệt như các loại hormon, enzyme, thuốc tiêm..., Nhiệt độ bảo quản từ 2°C – 8°C nhà thầu cần cung cấp giấy chứng nhận hoặc các tài liệu khác của cơ quan có thẩm quyền cấp để chứng minh đủ điều kiện bảo quản phù hợp hàng hóa được yêu cầu tại Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc Chương này.

2.3.2. Yêu cầu cam kết về chất lượng thuốc cung cấp:

– Cam kết cung ứng thuốc kịp thời, chính xác, ổn định và liên tục, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

– Cam kết thuốc được cung cấp đúng với hàng hóa dự thầu trong hồ sơ dự thầu và đúng theo tiêu chuẩn quy định của nhà

sản xuất.

– Trường hợp nhà thầu không có thuốc cung ứng hoặc cung ứng thuốc không đúng với thông số như cam kết ở các hạng mục trên hoặc thời gian cung ứng chậm trễ theo hợp đồng, nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt tài chính theo yêu cầu của chủ đầu tư và được xem là chậm tiến độ/không hoàn thành hợp đồng.

2.3.3. Yêu cầu cam kết về các tài liệu đính kèm trong E-HSĐT:

– Nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản về tất cả các tài liệu mà nhà thầu đính kèm trong E-HSĐT như Giấy phép kinh doanh, Giấy đủ điều kiện kinh doanh Dược, Giấy đạt tiêu chuẩn (GSP, GDP, GACP, GMP), Chứng chỉ hành nghề Dược, Báo cáo tài chính, Giấy hoàn thành nghĩa vụ thuế, Hợp đồng tương tự, Các tài liệu yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc và các yêu cầu khác trong E-HSMT là phải hoàn toàn chính xác, trung thực, hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

– Nhà thầu chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư, Cơ quan có thẩm quyền, pháp luật về tính chính xác, trung thực của các văn bản cam kết này. Trường hợp nhà thầu cam kết, kê khai không trung thực sẽ được xem là gian lận trong đấu thầu và sẽ bị xử lý theo quy định của Luật đấu thầu và Nghị Định số 214/2025/NĐ-CP.

2.3.4. Yêu cầu về các tài liệu nộp cùng E-HSĐT:

Nhà thầu phải nộp cùng E-HSĐT các tài liệu để chứng minh thông tin thuốc dự thầu. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuốc, tài liệu chứng minh thông tin thuốc và các yêu cầu liên quan khác về tài liệu hướng dẫn của E-HSMT. Các tài liệu này là một phần yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp nhà thầu không cung cấp một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu thì được xem là bỏ sót nội dung E-HSĐT của nhà thầu sẽ không được xem xét và đánh giá.

❖ Lưu ý:

– Theo trích dẫn “*tại Mục 23.6 Chương I Chi dẫn nhà thầu trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên*

tắc mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT”, theo quy định trên Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu đính kèm đầy đủ các yêu cầu của E-HSMT, nếu không đính kèm đầy đủ thì Nhà thầu không được bổ sung, làm rõ theo quy định trên. **Các nhà thầu lưu ý yêu cầu tại điểm này nhằm mang lại tính công bằng cho tất cả các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm cùng tham gia thực hiện gói thầu.** Nội dung yêu cầu này không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu, vì vậy Chủ đầu tư yêu cầu các nhà thầu lưu ý thực hiện để tránh thiếu sót nội dung, bỏ sót nội dung và sai sót nội dung.

– Tất cả các cam kết trong E-HSMT Nhà thầu phải **cam kết riêng bằng văn bản cho từng cam kết của từng mục tại các Chương khác nhau và sắp xếp các cam kết thành từng folder theo từng Chương trong E-HSMT**, trường hợp nhà thầu không cam kết theo yêu cầu thì xem như nhà thầu không thực hiện đúng quy định của E-HSMT và không đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói thầu. Nội dung yêu cầu này không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu, các nhà thầu lưu ý và thực hiện theo đúng tất cả các yêu cầu của E-HSMT tại các Chương.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

3.1. Tất cả các thuốc trước khi cung cấp cho Chủ đầu tư đều phải tiến hành các thủ tục kiểm tra, thử nghiệm chất lượng (thực hiện bắt buộc) của thuốc để đảm bảo thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của E-HSMT và chất lượng để đưa vào sử dụng. Mọi chi phí liên quan đến kiểm tra, thử nghiệm thuốc dự thầu (kể cả trường hợp phải kiểm định lại thuốc) là thuộc trách nhiệm của Nhà thầu.

3.2. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm Chủ đầu tư sẽ thông báo cụ thể cho Nhà thầu khi có yêu cầu.